

Bản án số: 451/2020/HC-PT

Ngày 26 tháng 8 năm 2020

“V/v Khiếu kiện yêu cầu hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán:

Ông Đỗ Đình Thanh

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 764/2018/TLPT-HC ngày 27 tháng 12 năm 2018 về “*Khiếu kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2018/HC-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1930/2020/QĐPT-HC ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Thị Bích C, sinh năm 1970 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 169, Tổ 6, Khu 3, thị trấn Tân Phú, huyện T, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Bích C: Bà Trần Thị M, sinh năm 1965; Địa chỉ: 120/16 Trần Đình Xu, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận I, Thành phố H – Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đ – Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị Phi L, sinh năm 1960 – Có mặt;

3.2. Bà Trần Thị Bích P, sinh năm 1969 – Có mặt;

3.3. Bà Trần Thị Nữ L¹, sinh năm 1972 – Có mặt;

3.4. Ông Trần Hữu P¹, sinh năm 1989 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: 169, Tổ 6, Khu 3, thị trấn Tân Phú, huyện T, tỉnh Đ.

3.5. Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1955 – Có đơn xin vắng mặt;

Địa chỉ: 509, Khu 7, thị trấn Tân Phú, huyện T, tỉnh Đ.

3.6. Bà Lê Thị H, sinh năm 1981 – Có mặt;

Địa chỉ: Khóm 4, Khu 7, thị trấn Tân Phú, huyện T, tỉnh Đ.

3.7. Ông Trần Quốc K (chết ngày 13/02/2011 – không có vợ con).

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Trần Thị Bích C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của người khởi kiện bà Trần Thị Bích C (đồng thời là người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Bích P, ông Trần Hữu P¹) trình bày:

Mẹ của bà là cụ Võ Thị S chết năm 2004 không để lại di chúc. Cha của bà là cụ Trần Văn L² chết năm 2008 có để lại di chúc. Sinh thời, cha mẹ bà có nhận chuyển nhượng 942,7 m² đất thuộc thửa số 43, tờ bản đồ số 10, lập năm 1998 tọa lạc thị trấn Tân Phú, huyện T, tỉnh Đ, nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông Võ Văn C¹ tranh chấp đất với cha mẹ bà thì cha mẹ bà ủy quyền cho chị của bà là Trần Thị Phi L đại diện giải quyết tranh chấp. Lợi dụng sự ủy quyền đó, bà L đã làm văn bản phân chia thừa kế và giả chữ ký của bà cùng các anh chị em của bà để Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 104812, số vào sổ 1103151 ngày 30/9/2009 cho bà L. Sau đó bà L chuyển nhượng đất để cân trừ nợ cho bà Lê Thị Thanh T ngụ tại Khu 7, thị trấn Tân Phú và Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 882023, số vào sổ CH 05406 ngày 02/12/2013 cho bà T.

Bà đi hợp tác lao động ở Hàn Quốc từ 2003 đến 2016 về nước thì mới biết sự việc. Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 104812 ngày 30/9/2009 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Trần Thị Phi L và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 882023 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú cấp ngày 02/12/2013 cho bà Lê Thị Thanh T.

Tại văn bản số 485/UBND-NC ngày 04/4/2017 và lời khai tiếp theo, người đại diện hợp pháp của người bị kiện (Ủy ban nhân dân huyện T) trình bày: Hồ sơ, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Phi L là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật đất đai 2003, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

Ngày 13/5/2010, bà L chuyển nhượng hết thửa đất số 43, diện tích 942,7 m² cho bà Lê Thị Thanh T nên Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 104812 của bà L và cấp cho bà T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 882023 ngày 02/12/2013. Ngày 16/9/2015, bà T chuyển nhượng cho bà Lê Thị H một phần diện tích thửa 43 nên bà H được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CB 925524 ngày 13/10/2015; đồng thời đã thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 882023 ngày 02/12/2013 của bà T.

Như vậy, việc bà Trần Thị Bích C khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 104812 ngày 30/9/2009 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Trần Thị Phi L và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 882023 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 02/12/2013 cho bà Lê Thị Thanh T là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Phi L trình bày:

Cụ Trần Văn L² chết để lại di chúc thửa đất khoảng 1.000 m² cho 6 anh chị em của bà. Sau thời gian tranh chấp đất với ông C¹ thì kinh tế gia đình sa sút nên bà mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 104812 cầm cố cho bà Lê Thị Thanh T để vay 50.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng nhưng bà T nói phải ra công chứng làm hợp đồng. Do không có tiền trả nên đến năm 2013 bà thỏa thuận với bà T trả nợ 10 mét đất (giá mỗi mét 100.000.000 đồng), thời điểm này bà nợ 700.000.000 đồng. Đến năm 2015 bà T bán đất 1.100.000.000 đồng. Tiền lãi tính đến 2015 là 2.700.000.000 đồng.

Việc cha mẹ ủy quyền cho bà chỉ để giải quyết tranh chấp với ông C¹ nên việc làm của bà là sai trái. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Nữ L¹ trình bày:

Sự việc vay tiền của bà T đúng như bà L trình bày. Do tiền lãi cộng dồn nhiều ngày nên bà để cho bà L quyết định. Việc ký tên trên văn bản phân chia thừa kế chỉ nhằm để ủy quyền giải quyết tranh chấp đất với ông C¹.

Bà có tham gia vào việc giới thiệu bán đất giữa bà T với bà H với tư cách người làm chứng và có nhận tiền từ người mua đất là bà T và bà H, nhưng bà không thừa nhận đây là tiền hoa hồng, mà là tiền bà T và bà H cho bà nhưng không nhớ rõ là bao nhiêu tiền. Về chữ ký có chữ thì đúng là bà có ký, có chữ thì bà không có ký tên.

Bà đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thanh T trình bày: Năm 2013, Bà L thỏa thuận chuyển nhượng cho bà thừa đất số 43, diện tích 942,7 m². Hai bên đã làm thủ tục chuyển nhượng và bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi chuyển nhượng, bà cho bà L thuê đất để kinh doanh giá 1.000.000 đồng/tháng, có hợp đồng thuê được Văn phòng công chứng Như Ý công chứng. Tháng 10/2015 bà chuyển nhượng một phần thửa 43 cho bà H và bà H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi chuyển nhượng cho bà H thì bà vẫn cho bà L tiếp tục thuê đất, nhưng khi hết hạn thuê thì bà L xin được tiếp tục ở đến nay.

Bà Lê Thị Thanh T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà C vì việc thỏa thuận chuyển nhượng đất giữa bà với bà L là tự nguyện, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H trình bày: Tháng 10/2015 bà nhận chuyển nhượng của bà T 411 m² thuộc thửa đất số 43, bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 925523 ngày 13/10/2015 và bà đã cất nhà ở đến nay. Bà Lê Thị H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà C vì việc thỏa thuận chuyển nhượng đất giữa bà với bà T là tự nguyện, vào thời điểm nhận chuyển nhượng thì bà T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sau khi chuyển nhượng thì bà cũng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2018/HC-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ đã quyết định:

Căn cứ Điều 29, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật tổ tụng hành chính; Khoản 4 Điều 49, điểm c khoản 1 Điều 50, khoản 2 Điều 52 Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là bà Trần Thị Bích C đối với Ủy ban nhân dân huyện T về việc yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 104812 cấp cho bà Trần Thị Phi L ngày 30/9/2009 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 882023 cấp cho bà Lê Thị Thanh T ngày 02/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện T.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí giám định chữ ký; về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/11/2018, người khởi kiện bà Trần Thị Bích C có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Trần Thị Phi L và Lê Thị Thanh T với lý do phần nhà đất tranh chấp có nguồn gốc của cha bà để lại, bà L đã mạo chữ ký của các anh chị em để nhận thừa kế và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trái pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bà Trần Thị M giữ nguyên kháng cáo của bà Trần Thị Bích C yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T. “Văn bản phân chia thừa kế” ngày 15/4/2009 là trái pháp luật vì nguồn gốc đất của cụ Trần Văn L² chết để lại cho các anh chị em bà C, nhưng các anh chị em của bà C đều không có văn bản khước từ thừa kế; trên đất có nhà mà văn bản này không đề cập; tại thời điểm lập văn bản thì đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Phú niêm yết và chứng thực là không đúng quy định của luật công chứng; tại thời điểm này thì bà C không có mặt tại Việt Nam nên chữ ký không phải là của bà C, tại phiên tòa hôm nay bà L cũng trình bày là bà L mạo chữ ký của các anh chị em để ký vào văn bản, điều này cũng phù hợp với Kết luận giám định số 199/KLGD ngày 31/5/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ là các chữ ký trong “Văn bản phân chia thừa kế” ngày 15/4/2009 là do cùng một người ký ra, không phải do nhiều người ký; Ủy ban nhân dân huyện T đã căn cứ vào “Văn bản phân chia thừa kế” ngày 15/4/2009 để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Phi L là trái pháp luật. Bà L sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp trái pháp luật để chuyển nhượng đất cho bà Lê Thị Thanh T cũng là trái pháp luật nên Ủy ban nhân dân huyện T căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trái pháp luật giữa bà L với bà T để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T là không hợp pháp.

Bà Trần Thị Bích C nhất trí ý kiến của bà Trần Thị M.

Bà Trần Thị Phi L trình bày bà đã mạo chữ ký của các anh chị em để ký vào “Văn bản phân chia thừa kế” ngày 15/4/2009. Bà thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà C. Hiện nay giữa bà với bà T không có tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Các bà Trần Thị Bích P, Trần Thị Nữ L¹ đều trình bày không có ký tên vào “Văn bản phân chia thừa kế” ngày 15/4/2009 và nhất trí yêu cầu khởi kiện của bà C.

Bà Lê Thị H không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung đề nghị bác kháng cáo của bà Trần Thị Bích Chi, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Trần Thị Bích C đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng người đại diện hợp pháp của người bị kiện và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không rõ lý do. Theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính thì Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Nguồn gốc thửa đất số 43, diện tích 942,7 m² tờ bản đồ số 10 thị trấn Tân Phú, huyện T, tỉnh Đ thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ Trần Văn L². Ngày 17/9/2007, cụ Trần Văn L² lập Di chúc để lại tài sản cho 06 người con thành 06 phần đều nhau gồm: Trần Thị Phi L, Trần Quốc K (chết ngày 13/02/2011), Trần Thị Bích P, Trần Thị Bích C, Trần Thị Nữ L¹ và Trần Hữu P¹. Sau khi cụ Trần Văn L² chết (ngày 15/7/2008), bà Trần Thị Phi L kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và xuất trình “Văn

bản phân chia thừa kế” lập ngày 15/4/2009 (Bút lục số 21) với nội dung: “*Hôm nay 6 chị em chúng tôi đồng ký trước UBND thị trấn Tân Phú cho Trần Thị Phi L toàn quyền sử dụng và đứng QSDĐ thửa 43, tờ bản đồ số 10*”, được Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Phú niêm yết từ ngày 15/4/2009 đến ngày 15/5/2009 và chứng thực số 48, quyền số 01/2009. Đến ngày 30/9/2009, Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Trần Thị Phi L Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 43 nêu trên; đến ngày 13/5/2010, bà Trần Thị Phi L ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị Thanh T và bà Lê Thị Thanh T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BB 882023, số vào sổ CH 05406 ngày 02/12/2013. Sau đó bà T bà chuyển nhượng một phần (411 m²) thửa 43 cho bà Lê Thị H và bà H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 925523 ngày 13/10/2015 đồng thời đã cất nhà ở trên đất đến nay.

[3] Việc Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 104812, số vào sổ H 03151 ngày 30/9/2009 cho bà Trần Thị Phi L là mối quan hệ hành chính giữa cơ quan Nhà nước có thẩm quyền với người sử dụng đất, thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật tổ tụng hành chính; còn việc Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 882023, số vào sổ CH 06406 ngày 02/12/2013 cho bà Lê Thị Thanh T là do căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 13/5/2010 giữa bà Trần Thị Phi L với bà Lê Thị Thanh T chỉ là thủ tục hành chính trong giao dịch dân sự giữa bà Trần Thị Phi L với bà Lê Thị Thanh T (thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 105 Luật đất đai năm 2013) nên không thuộc phạm vi điều chỉnh của tổ tụng hành chính, mà thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật tổ tụng dân sự. Vì vậy, việc xem xét tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị Thanh T chỉ có thể được giải quyết khi các đương sự có tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong vụ án dân sự.

[4] Mặc dù Công văn số 4746/QLXNC-TMTH ngày 26/7/2019 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định bà Trần Thị Bích C xuất cảnh ngày 03/5/2003 và nhập cảnh ngày 22/4/2016 qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất, chứng tỏ vào thời điểm lập “Văn bản phân chia thừa kế” ngày 15/4/2009 thì bà Trần Thị Bích C không có mặt ở Việt Nam; đồng thời bà L khai bà đã mạo chữ ký của anh chị em để ký vào văn bản này; Kết luận giám định số 199/KLGĐ ngày 31/5/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ xác định các chữ ký trong “Văn bản phân chia thừa kế” ngày 15/4/2009 là do cùng một người ký ra, nên có căn cứ để xác định bà L đã mạo chữ ký của anh chị em để ký vào “Văn bản phân chia thừa kế” ngày 15/4/2009 và do vậy việc giám định lại đối với chữ ký của “C” trong “Văn bản phân chia thừa kế” lập ngày 15/4/2009 theo yêu cầu của bà Trần Thị Bích C là không cần thiết.

[5] Tuy nhiên, tại khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: “*Nhà nước không thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp trái pháp luật trong các trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai nếu người được cấp Giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất và đã được giải quyết theo quy định của pháp luật.*

Việc xử lý thiệt hại do việc cấp Giấy chứng nhận pháp luật gây ra thực hiện theo quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân. Người có hành vi vi phạm dẫn đến việc cấp Giấy chứng nhận trái pháp luật bị xử lý theo quy định tại Điều 206 và Điều 207 của Luật Đất đai”.

Mặt khác, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 104812, số vào sổ H 03151 ngày 30/9/2009 cấp cho bà Trần Thị Phi L đã không còn (bị thu hồi do bà Trần Thị Phi L chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị Thanh T).

Do vậy, không có căn cứ để hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 104812, số vào sổ H 03151 ngày 30/9/2009 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Trần Thị Phi L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 882023, số vào sổ CH 06406 ngày 02/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Lê Thị Thanh T. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Bích C, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[6] Bà Trần Thị Bích C có quyền khởi kiện đối với hành vi của bà Trần Thị Phi L trong vụ kiện dân sự khác để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

[7] Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà Trần Thị Bích C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí giám định chữ ký; về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính; Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Bích C; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2018/HC-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ.

2. Bác đơn khởi kiện của bà Trần Thị Bích C về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 104812, số vào sổ H 03151 ngày 30/9/2009 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đ cấp cho bà Trần Thị Phi L và bác yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 882023, số vào sổ CH 06406 ngày 02/12/2013 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đ cấp cho bà Lê Thị Thanh T.

3. Bà Trần Thị Bích C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) và được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 005150 ngày 27/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đ.

4. Về chi phí giám định chữ ký; về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- Cục THADS tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

